TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HS-ST
Ngày 03-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Tố

Ông Phan Á

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Tuyền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Hữu N**; sinh ngày 17 tháng 5 năm 2000; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu phố T, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không;Trình độ học vấn: 6/12; Cha: Nguyễn Khắc N1, sinh năm 1977; Mẹ: Tạ Thị H, sinh năm: 1979; Anh ruột: Nguyễn Hữu Ý, sinh năm 1998; Vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Ngày 03/7/2023, bị Chủ tịch UBND phường B, thị xã H ra quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; thời gian cai nghiện từ ngày 03/7/2023 đến ngày 03/7/2024;

- Ngày 13/10/2023, bị Công an thị xã H ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền 2.250.000 đồng, chưa chấp hành xong;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/8/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Thế H1**; sinh ngày 08 tháng 5 năm 1999; Tên gọi khác: không; nơi cư trú: khu phố T, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: phụ hồ; Trình độ học vấn: 11/12; Cha: Trần Văn T, sinh năm 1966; Mẹ: Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1970; Chị ruột: Trần Thị Diễm K, sinh năm 1992; Em ruột: Trần Hữu N2, sinh năm 2009; Vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 13/10/2023, bị Công an thị xã H ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền 2.250.000 đồng, chưa chấp hành xong;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/8/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Đặng Thị Kim C**; Sinh ngày 10 tháng 01 năm 1969; Tên gọi khác: không; nơi cư trú: khu phố Đ, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định; Giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: buôn bán phế liệu; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: Đặng Trạc (đã chết); Mẹ: Đào Thị M (đã chết); Chị ruột: Đặng Thị N3, sinh năm 1960; Đặng Thị Kim L, sinh năm 1967; Em ruột: Đặng Văn T2, sinh năm 1977; Đặng Văn N4, sinh năm 1980; Chồng: Lê Văn D, sinh năm 1973; Con: 02 người, sinh năm 2009 và năm 2013;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/8/2023. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thế H2, chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn T3, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

(Theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2023) (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Tạ Thị H, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu phố T, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định (có mặt).

+ Ông Trần Văn T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khu phố T, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu phố G, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, Nguyễn Hữu N cùng Trần Thế H1 nhiều lần đi trộm cắp tài sản của Công ty TNHH P1 (địa chỉ: thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa) đang thi công Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, tại khu phố T, phường B, thị xã H.

Thủ đoạn thực hiện của 02 bị cáo là dùng xe mô tô đi đến công trình đang thi công trụ điện của Công ty TNHH P1 để mở các ốc, tán, cùng nhau khiêng cây bulong neo BL72 để lên yên xe rồi chở đi bán cho các tiệm thu mua phế liệu. Số lần trộm cắp tài sản từ ngày 14/6/2023 đến ngày 18/6/2023 của hai bị cáo cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 14/6/2023, một mình Nguyễn Hữu N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77C1-802.51 của mẹ ruột là bà Tạ Thị H đến công trình đang thi công trụ điện của Công ty TNHH P1. Nghĩa quan sát trên các cây bulong neo loại BL72 đều gắn 02 con ốc và 01 con tán nên N dùng tay mở tổng cộng 09 (chín) con ốc và 04 (bốn) con tán bỏ vào thùng nhựa có sẵn để bên cạnh. Sau đó, N chở thùng nhựa này mang đến cất giấu tại bụi cây ven đường, cách công trình khoảng 300m rồi về nhà.

Lần thứ hai: Khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày (ngày 14/6/2023), khi N về đến nhà thì rủ Trần Thế H1 đi trộm, H1 đồng ý. N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77C1-802.51 chở H1 đến khiêng 01 (một) cây bulong neo BL72 (không gắn ốc, tán) của Công ty TNHH P1 để lên yên xe rồi đi đến vị trí cất giấu thùng đựng ốc, tán, N tự mình lấy thùng để trước ba ga xe chở đi bán.

N chở H1 và các tài sản trộm được đến trước tiệm phế liệu của Đặng Thị Kim C. Mặc dù bị cáo C nhận thức được đây là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 6.500 đồng/kg; N và H1 khiêng cây bulong neo BL72 bỏ lên cân được 83kg, bán với số tiền 540.000 đồng; 09 (chín) con ốc và 04 (bốn) con tán cân được 34kg, bán với số tiền 220.000 đồng. Tại đây, N nhìn thấy xe ô tô tải đậu ở tiệm phế liệu có ghi số điện thoại 0977.382.489 của Đặng Thị Kim C nên lưu vào điện thoại rồi cả hai đi về. Số tiền bán được, N lấy 490.000

đồng gồm tiền bán ốc, tán và một nửa số tiền bán cây bulong, còn lại chia cho H1 số tiền 270.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 82/HĐĐGTS ngày 22/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã H:

- 01 (một) cây bulong neo (BL72) bằng sắt dùng để thi công công trình trụ điện 220KV. Trong đó, cây bulong chính dài 85cm, đường kính 7cm, được hàn cố định với 03 cây sắt rằn phi 40, dài 02 mét, hiệu Hòa Phát; có giá trị: 3.634.748 đồng.

- 09 (chín) con ốc M72 hình lục giác, cao 5,5cm, dày 2cm, ở giữa có vòng tròn rỗng đường kính 7cm; có giá trị: 1.432.454 đồng (mỗi con có đơn vị giá là: 159.162 đồng).

- 04 (bốn) con tán hình vuông, cạnh 16cm, dày 2cm, ở giữa có vòng tròn rỗng đường kính 8cm; có giá trị: 673.505 đồng (mỗi con có đơn vị giá là: 168.376 đồng).

Lần thứ ba: Khoảng 21 giờ ngày 16/6/2023, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77C1-802.51 chở H1 đến khiêng 01 (một) cây bulong neo BL72 (không gắn ốc, tán) của Công ty TNHH P1 đem đi bán. Khi chạy đến bãi rác gần nghĩa địa B, thấy đã khuya nên N lấy điện thoại có gắn sim số 0394.504.082 gọi đến số điện thoại 0977.382.489 của bị cáo Đặng Thị Kim C, bị cáo C đồng ý mua. Cả hai chở đến bán được 540.000 đồng, chia nhau mỗi người lấy 270.000 đồng. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt trị giá 3.962.748 đồng.

Lần thứ tư: Khoảng 23 giờ ngày 16/6/2023, N và H1 tiếp tục đến chở 01 (một) cây bulong neo BL72 (có gắn 01 con ốc và 01 con tán) của Công ty TNHH P1 bán cho Đặng Thị Kim C được 540.000 đồng, chia mỗi người lấy 270.000 đồng. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt trị giá 3.962.285 đồng.

Lần thứ năm: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 17/6/2023, H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nho, không có biển kiểm soát của cha ruột là ông Trần Văn T chở N đến khiêng 01 (một) cây bulong neo BL72 (không gắn ốc, tán) của Công ty TNHH P1 để lên yên xe. Sau đó, cả hai chở đến tiệm phế liệu của bà Nguyễn Thị H3 (sinh năm 1971, trú tại khu phố G, phường H, thị xã H), bà H3 không biết tài sản do trộm cắp mà có nên đồng ý mua, N và H1 bán được 600.000 đồng, chia nhau mỗi người 300.000 đồng và đi về nhà. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt trị giá 3.634.748 đồng.

Lần thứ sáu: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 17/6/2023, N một mình đi vào khu vực công trình đang thi công trụ điện của Công ty TNHH P1 (một) cây bulong neo BL72 (không gắn ốc, tán) chở đến tiệm phế liệu của Đặng Thị Kim C bán được 540.000 đồng. Tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 3.634.748 đồng.

Lần thứ bảy: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 18/6/2023, N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77C1-802.51 chở H1 đến lấy 01 (một) cây bulong neo BL72 (còn gắn 02 con ốc và 01 con tán) của Công ty TNHH P1 đem đến bán cho bà Nguyễn Thị H3 với số tiền 660.000 đồng, chia nhau mỗi người lấy 330.000 đồng. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt trị giá 4.121.447 đồng.

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã:

- Tạm giữ 01 (một) cây bulong neo BL72 (không gắn ốc, tán), 09 (chín) con ốc, 04 (bốn) con tán từ bị cáo Đặng Thị Kim C; 02 (hai) cây bulong neo BL72 (còn gắn 02 con ốc) từ bà Nguyễn Thị H3; sau đó trả lại cho đại diện của Công ty TNHH P1 là ông Đỗ Văn T3 (sinh năm 1984, trú tại thôn K, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa). Đối với 03 (ba) cây bulong neo BL72 (không gắn ốc, tán), bị cáo Đặng Thị Kim C đã bán, sau đó tìm, sửa chữa và trả lại cho ông Đỗ Văn T3. Riêng 01 (một) con ốc, 01 (một) con tán do bị cáo Đặng Thị Kim C bán đi không tìm lại được; 01 (một) con tán do bà Nguyễn Thị H3 cho một người không rõ lai lịch không tìm lại được. Tại giai đoạn điều tra, truy tố, ông Đỗ Văn T3 yêu cầu bồi thường bằng tiền.

- Tạm giữ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 77C1-802.51, sau đó trả lại cho bà Tạ Thị H và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nho, không có biển kiểm soát, sau đó trả lại cho ông Trần Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Trần Thế H1 đã bồi thường cho ông Đỗ Văn T3 số tiền 335.000 đồng và cho bà Nguyễn Thị H3 số tiền 630.000 đồng; Đặng Thị Kim C đã bồi thường cho ông Đỗ Văn T3 số tiền 330.000 đồng. Ông Đỗ Văn T3, bà Nguyễn Thị H3 không yêu cầu bồi thường gì thêm đối với Trần Thế H1 và Đặng Thị Kim C; trong quá trình điều tra, truy tố, đại diện bị hại là ông Đỗ Văn T3 tiếp tục yêu cầu Nguyễn Hữu N bồi thường cho ông số tiền 335.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3 yêu cầu bị cáo Nguyễn Hữu N bồi thường cho bà số tiền 630.000 đồng. Tuy nhiên, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông T3, bà H3 không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường thiệt hại cho ông, bà nữa.

Bản cáo trạng số: 95/CT-VKS ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu N, bị cáo Trần Thế H1 về tội *"Trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đặng Thị Kim C về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố.

+ Về tội danh: đề nghị tuyên Nguyễn Hữu N, Trần Thế H1, phạm tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Đặng Thị Kim C, phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

+ Về hình phạt:

▫ Đối với Nguyễn Hữu N: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

▫ Đối với Trần Thế H1: áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Thế H1 từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

▫ Đối với Đặng Thị Kim C: áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Đặng Thị Kim C từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.Xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Đã tự thỏa thuận xong.

Các bị cáo tự bào chữa: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và điều luật áp dụng:* Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hữu N và bị cáo Trần Thế H1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của

Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, lợi dụng sự quản lý sơ hở của chủ sở hữu, các bị cáo Nguyễn Hữu N, Trần Thế H1 đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của Công ty Trách nhiệm hữu hạn P1 đang chịu trách nhiệm thi công công trình đường bộ cao tốc Bắc- Nam đoạn qua thị xã H. Trong khoảng thời gian từ ngày 14/6/2023 đến ngày 18/6/2023, bị cáo Nguyễn Hữu Nghĩa là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Trần Thế H1 nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trong đó, bị cáo N có 07 lần chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị 24.728.683 đồng; bị cáo H1 có 05 lần chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị 18.987.976 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Hữu N, Trần Thế H1 có đầy đủ sức khỏe, năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng vì muốn kiếm tiền một cách bất chính, xem thường pháp luật, đã lợi dụng sự sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn truy tố hai bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Bị cáo Đặng Thị Kim C dù không hứa hẹn trước nhưng có 04 lần tiêu thụ tài sản do bị cáo N và bị cáo H1 trộm cắp mà có, tổng giá trị tài sản tiêu thụ theo kết luận định giá là 16.972.488 đồng. Bị cáo C là người có trình độ, có đủ năng lực trách nhiệm, hành vi dân sự, bị cáo mặc nhiên ý thức được rằng đây là tài sản do trộm cắp mà có vì theo lời khai của bị cáo, các con ốc, tán còn rất mới, không bị gỉ sắt, các cây sắt có phi lớn là sắt chuyên dùng cho các công trình xây dựng cầu đường và là sắt còn nguyên khối, đồng thời khoảng thời gian bị cáo N và H1 chở tới bán là lúc đêm khuya, thời gian tầm 21 giờ, có hai lần là 21h30 phút và 23 giờ 30 phút. Sau khi thu mua, bị cáo sợ để ở tiệm phế liệu sẽ bị phát hiện nên bị cáo chở vào P để bán lấy tiền chênh lệch. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo*:

- Đối với bị cáo N và bị cáo H1: Hành vi do hai bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, trị an ở địa phương.

Trong vụ trộm cắp tài sản nói trên, có 02 bị cáo tham gia nhưng với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, hứa hẹn trước, vị trí, vai trò của các bị cáo đã thực hiện như sau: Bị cáo Nghĩa là người rủ rê, khởi xướng và cùng bị cáo H1 thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nên cần xử phạt các bị cáo một mức án tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo cải tạo bản thân tiến bộ là cần thiết.

- Đối với bị cáo C: Hành vi của bị cáo là tiền đề để tiếp tay cho tội phạm khác, gây mất trật tự trị an xã hội, gây trở ngại cho công tác điều tra, truy tố xét xử các vụ án hình sự và tạo điều kiện, khuyến khích người khác đi vào con đường phạm tội. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất, mực độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Về nhân thân:

- Đối với bị cáo N:

+ Ngày 03/7/2023, bị cáo bị Chủ tịch UBND phường B, thị xã H ra quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng; thời gian cai nghiện từ ngày 03/7/2023 đến ngày 03/7/2024;

+ Ngày 13/10/2023, bị Công an thị xã H ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền 2.250.000 đồng, chưa chấp hành xong. Bị cáo có nhân thân xấu.

- Đối với bị cáo H1:

+ Ngày 13/10/2023, bị Công an thị xã H ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền 2.250.000 đồng, chưa chấp hành xong. Bị cáo có nhân thân xấu.

- Đối với bị cáo C: Bị cáo có nhân thân tốt.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Trong vụ án trên, bị cáo N có 07 lần chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị 24.728.683 đồng; Trần Thế H1 có 05 lần chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị 18.987.976 đồng. Bị cáo C có 04 lần tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, với tổng giá trị là 16.972.488 đồng. Như vậy, cả ba bị cáo đều phạm tội với tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo N, H1, C khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo H1 đã bồi thường cho bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho cả ba bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo C đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đồng thời, bản thân bị cáo C là nữ, vừa là lao động chính trong gia đình vừa chăm lo cho

hai con nhỏ đang tuổi ăn học, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, tang vật vụ án cũng đã được thu hồi, bị cáo cũng đã tự khắc phục để trả lại cho chủ sở hữu, bị cáo có chỗ ở ổn định, có khả năng tự cải tạo sửa chữa, các lần phạm tội của bị cáo đều là tội phạm ít nghiêm trọng. Xét thấy việc cho bị cáo cải tạo tại chỗ dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục cho bị cáo, răn đe phòng ngừa chung nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[5] *Về bồi thường thiệt hại*: Các bên đã thỏa thuận giải quyết xong, bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Không.

[7] Tại phiên tòa đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn về tội danh, điều luật và mức hình phạt với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Hữu N, Trần Thế H1, Đặng Thị Kim C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về các vấn đề khác:

- Trần Thế H1 không có hành vi giúp cho Nguyễn Hữu N tiêu thụ tài sản trộm cắp là 09 con ốc và 04 con tán của lần trộm cắp vào ngày 14/6/2023, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Bà Nguyễn Thị H3 là người mua tài sản nhưng không biết tài sản là do Nguyễn Hữu N, Trần Thế H1 trộm cắp mà có; bà Tạ Thị H là chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 77C1-802.51, số máy JA36E0902030 và ông Trần Văn T là chủ sở hữu xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nho, không có biển kiểm soát, số máy C100MSE-1067495 không biết Nguyễn Hữu N, Trần Thế H1 sử dụng xe mô tô của mình để đi trộm cắp tài sản, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho bà H và ông T là đúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu N;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thế H1;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 của Bộ luật hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Đặng Thị Kim C;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 135; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu N, bị cáo Trần Thế H1 phạm tội *"Trộm cắp tài sản";* bị cáo Đặng Thị Kim C phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù bắt đầu từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Thế H1 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù bắt đầu từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Kim C 09 (chín) tháng tù nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã thỏa thuận giải quyết xong, không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về xử lý vật chứng: Không.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Hữu N, bị cáo Trần Thế H1, bị cáo Đặng Thị Kim C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Chi cục THA dân sự thị xã Hoài Nhơn
- CQ CSĐT Công an thị xã Hoài Nhơn;
- CQ THAHS Công an thị xã Hoài Nhơn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phường

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Trần Nhật Nguyện Nguyễn Hữu T4 **Trần Thị P**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Chi cục THA dân sự thị xã Hoài Nhơn
- CQ CSĐT Công an thị xã Hoài Nhơn;
- CQ THAHS Công an thị xã Hoài Nhơn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phường